

CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

*Lê Việt Long**

1. Mối tương quan giữa các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trong bối cảnh toàn cầu và hội nhập, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trở nên đặc biệt quan trọng và là mối quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia trong các quan hệ quốc tế. Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã luôn đề cao vai trò quan trọng về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Trên phương diện hợp tác quốc tế, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế quan trọng cũng như đã ký kết các điều ước quốc tế song phương về quyền sở hữu trí tuệ như: Công ước Stockholm về việc thành lập Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO, Công ước PARIS về bảo hộ sở hữu công nghiệp, Hiệp ước hợp tác bằng sáng chế PCT, Thỏa ước MADRID về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá, Công ước BERNE về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, Công ước GENEVA về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép trái phép. Công ước ROME về bảo hộ người biểu diễn, nhà tổ chức bản ghi âm và tổ chức phát sóng, Thỏa ước LAHAY về Đăng ký Quốc tế kiểu dáng công nghiệp, Công ước Quốc tế về bảo vệ giống cây trồng mới (UPOV), Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Hiệp định giữa Việt Nam và Thụy Sĩ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về việc thiết lập quan hệ quyền tác giả, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ... Từ năm 2007, Việt Nam đã là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới WTO, một trong những vấn đề mà Việt Nam cam kết là bảo hộ quyền

sở hữu trí tuệ, chống sản xuất, buôn bán hàng giả nhằm bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu; quyền, lợi ích và sức khoẻ của người tiêu dùng cũng như uy tín của Việt Nam trong hợp tác thương mại quốc tế.

Để thực thi nghĩa vụ của các điều ước và các cam kết khi trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam cần phải rà soát lại các văn bản pháp luật hiện hành, so sánh, đối chiếu với các yêu cầu của các điều ước quốc tế và thực hiện những sửa đổi cần thiết để các văn bản pháp luật đó phù hợp với các yêu cầu nói trên. Hiện nay, Việt Nam đã có một hệ thống văn bản pháp luật tương đối đầy đủ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ như:

- Bộ luật Hình sự 1999;
- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000;
- Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Luật Hải quan năm 2001;
- Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004;
- Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005;

Sau khi Luật SHTT được ban hành thì một loạt các văn bản pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật SHTT đã được xây dựng và ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi bảo đảm cho hoạt động SHTT vận hành có hiệu quả. Cụ thể như: Nghị định 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật SHTT về sở hữu công nghiệp, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT về quản lý nhà nước về SHTT, Nghị định số 106/2006/NĐ-CP qui định về xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 100/2006/NĐ-CP qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành các qui định về quyền tác giả và quyền liên quan, Nghị định số 104/2006/NĐ-CP về quyền đối với giống cây trồng và một loạt các Thông tư hướng dẫn khác.

* Thạc sĩ Luật học. Thanh tra viên Bộ Công-Thương.

Bài viết này tác giả không có ý định đi sâu phân tích tất cả các văn bản pháp luật nói trên, mà chỉ tập trung vào phân tích, đánh giá các quy định của Luật hình sự Việt Nam hiện hành về nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ dựa trên yêu cầu của các điều ước quốc tế và thực tiễn thi hành, đồng thời đưa ra một số đề xuất, kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện các qui định này.

Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: *“Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự”*.

Hiện nay Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999 có quy định 7 điều luật về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: Tội xâm phạm quyền tác giả (Điều 131); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 158); Tội phạm về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171); Tội xâm phạm các qui định về xuất bản và phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác (Điều 271).

Đối chiếu với yêu cầu của các điều ước quốc tế và căn cứ các quy định trên của Bộ luật Hình sự có thể thấy rằng, về cơ bản, các quy định này đã đáp ứng được các yêu cầu của các điều ước quốc tế. tuy phạm vi hình sự hoá có hẹp hơn một chút. Ví dụ, Điều 14 Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ yêu cầu: *“Mỗi bên quy định các thủ tục tố tụng hình sự và hình phạt được áp dụng ít nhất trong các trường hợp cố ý làm giả nhãn hiệu hàng hoá hoặc xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan nhằm mục đích thương mại. Mỗi bên quy định rằng các hình phạt có thể được áp dụng bao gồm phạt tù hoặc phạt tiền hoặc cả hai, đủ để ngăn ngừa xâm phạm, phù hợp với mức hình phạt áp dụng đối với*

tội danh có mức độ nghiêm trọng tương tự”. Điều 61 Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) quy định: *“Các thành viên phải quy định việc áp dụng các thủ tục hình sự và các hình phạt để áp dụng ít nhất đối với các trường hợp cố tình giả mạo nhãn hiệu hàng hoá hoặc xâm phạm bản quyền với quy mô thương mại. Các biện pháp chế tài theo quy định phải bao gồm cả phạt tù hoặc phạt tiền đủ để ngăn ngừa xâm phạm, tương ứng với mức phạt được áp dụng cho tội phạm có mức độ nghiêm trọng tương đương trong những trường hợp thích hợp, các biện pháp chế tài cũng phải bao gồm cả việc bắt giữ, tịch thu và tiêu huỷ hàng hoá xâm phạm và bất cứ vật liệu và các phương tiện nào khác được sử dụng chủ yếu để thực hiện tội phạm. Các thành viên có thể quy định các thủ tục hình sự và các hình phạt áp dụng cho các trường hợp khác xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là trường hợp cố ý xâm phạm và xâm phạm với quy mô thương mại”*.

Pháp luật Việt Nam không có các quy định riêng về thủ tục tố tụng hình sự thực hiện đối với các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà áp dụng các quy định chung của Bộ luật Tố tụng Hình sự để điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm này và Bộ luật Hình sự Việt Nam cũng đã quy định các chế tài bao gồm cả phạt tiền hoặc phạt tù đối với các hành vi giả mạo nhãn hiệu hàng hoá trong tội sản xuất, buôn bán hàng giả, các hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, so với yêu cầu tại Điều 14 và Điều 61 nói trên thì phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo các quy định của Bộ luật Hình sự có hẹp hơn, cụ thể là, Điều 14 yêu cầu hai yếu tố: *cố ý và nhằm mục đích thương mại*, Điều 61 yêu cầu hai yếu tố: *cố tình giả mạo nhãn hiệu hàng hoá hoặc xâm phạm bản quyền với quy mô thương mại* là đủ để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự các hành vi làm giả nhãn hiệu hàng hoá, xâm phạm quyền tác giả hoặc xâm phạm quyền liên quan. Nhưng hành vi xâm

phạm quyền tác giả tại Điều 131 Bộ luật Hình sự chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi: *gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm*; hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả tại Điều 156 BLHS chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi: *hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ ba mươi triệu đồng đến dưới một trăm năm mươi triệu đồng hoặc dưới ba mươi triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 153, 154, 155, 157, 158, 159 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm*; hành vi xâm phạm sở hữu công nghiệp tại Điều 171 BLHS chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu thoả mãn các yếu tố: *Vì mục đích kinh doanh và gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm*.

2. Thực tiễn đấu tranh phòng chống tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hiện nay tại Việt Nam

Những năm gần đây, qua các phương tiện thông tin đại chúng và các nghiên cứu cho thấy các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày một nhiều và diễn ra ở khắp các nơi, nhưng theo số liệu thống kê của Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an, cũng như Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thì thấy rằng, số lượng các vụ việc xâm phạm này được phát hiện, khởi tố, truy tố và xét xử hình sự không đáng kể, và đặc biệt là chỉ bị xử lý đối với các tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156, 157, 158 BLHS). Ví dụ, trong số liệu được thống kê đưa ra tại Hội nghị công tác phối hợp phòng chống sản xuất, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tổ chức tại Hà Nội ngày 08/09/2007 của Bộ Công an thì, công an 43 địa phương, trong 5 năm (2002-2007), lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế

phát hiện 5.647 vụ sản xuất, buôn bán hàng giả. Chỉ riêng trong năm 2006, thanh tra chuyên ngành văn hoá - thông tin kiểm tra 20.414 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hoá đã phát hiện 5.647 cơ sở vi phạm. Các đoàn kiểm tra đã cảnh cáo 519 cơ sở, đình chỉ hoạt động 289 cơ sở, tạm giữ giấy phép kinh doanh 160 cơ sở, chuyển xử lý hình sự 9 trường hợp. Hoặc theo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thì đối với Tội sản xuất, buôn bán hàng giả: năm 2005 khởi tố 7 vụ với 7 bị can và truy tố 7 vụ với 9 bị can; đối với Tội vi phạm các quy định về xuất bản, phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác: năm 2005 khởi tố 8 vụ với 14 bị can và truy tố 7 vụ với 12 bị can. Còn hầu như không có số liệu thống kê nào về các vụ việc bị truy tố theo Tội xâm phạm quyền tác giả (Điều 131 BLHS), Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170 BLHS) và Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171 BLHS). Ba loại tội phạm này được coi là các tội chủ yếu trong các tội xâm phạm sở hữu trí tuệ và các quy định này của Bộ luật Hình sự được coi là các quy định chính để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của các điều ước quốc tế.

Qua thực tiễn khởi tố, truy tố cũng như các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, có thể thấy rằng, các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ xảy ra nhiều hơn nhưng khó bị phát hiện và khi bị phát hiện thì thường chỉ bị xử lý bằng các biện pháp dân sự hoặc hành chính. Điều này cũng có thể nói rằng công tác đấu tranh phòng chống tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hiện nay kém hiệu quả, không đáp ứng được yêu cầu bảo vệ một cách hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ trước các hành vi xâm phạm ngày một gia tăng và diễn ra phức tạp hơn, cũng như trước các yêu cầu cấp thiết khi Việt Nam tham gia vào các điều ước quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập thương mại quốc tế của mình.

Thực tiễn đấu tranh chống nhóm tội phạm thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói chung

thường rất phức tạp vì chủ thể của tội phạm hầu hết là những người có điều kiện kinh tế, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao, am hiểu những lĩnh vực mình đang quản lý, một số người còn có chức vụ, quyền hạn nhất định, bên cạnh đó sự bùng nổ của khoa học, công nghệ đã tạo ra nhiều thiết bị, công cụ, phương tiện phạm tội ngày càng tinh vi nên rất khó phát hiện. Tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây ra hoặc đe dọa đến thiệt hại nền kinh tế của cả nước cũng như từng lĩnh vực, từng ngành. Ngoài ra, Tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người, tác động đến cả cộng đồng. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng pháp luật và xử lý với nhóm tội danh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mà cụ thể là các tội sản xuất, buôn bán hàng giả còn gặp nhiều bất cập, khó khăn. Cụ thể:

- Sản xuất theo thời vụ, thường khép kín từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, hoạt động lén lút, bí mật. Những người tham gia sản xuất, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền SHTT thường là người trong cùng gia đình hoặc người thân quen;

- Tội phạm sản xuất hàng giả, thực hiện hành vi: sản xuất, buôn bán các loại hàng hoá không đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn, kiểu dáng, nhãn hiệu đã được đăng ký sản xuất, buôn bán các loại hàng nhái kiểu dáng, nhãn hiệu của các hãng nổi tiếng đã đăng ký bản quyền và được bảo hộ;

- Sử dụng thủ đoạn gian dối bán hàng giả cho người tiêu dùng như giá hàng thật, nhằm mục đích vụ lợi.

Trong những năm gần đây nhóm tội phạm về xâm phạm quyền SHTT ngày càng tăng. Một mặt là do những khó khăn trong việc tiếp cận loại tội phạm này như đã trình bày ở trên, mặt khác sự gia tăng này do những nguyên nhân cơ bản sau:

- *Thứ nhất là:* sản xuất, buôn bán hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã tạo ra siêu lợi nhuận lôi kéo được nhiều đối tượng lao động, trên nhiều địa bàn với nhiều lĩnh vực khác nhau tham gia;

- *Thứ hai là:* trong quá trình hội nhập, ngoài những tác động tích cực góp phần làm nên những kết quả đáng kể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội..., chúng ta còn thấy phát sinh những yếu tố tiêu cực do mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động vào nước ta. Mặt khác, các mặt hàng nội địa tuy rất đa dạng, phong phú và đã cố gắng cải tiến nhưng thực chất vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho người tiêu dùng, trong khi thu nhập bình quân thấp, giá hàng hoá sản phẩm phục vụ sinh hoạt cao tạo nên sự bất cân đối. Vì vậy, người tiêu dùng đôi lúc phải chấp nhận lựa chọn những sản phẩm giả nhưng mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp như thật có giá thành thấp. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sản xuất, buôn bán hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tồn tại và ngày càng mở rộng quy mô hoạt động;

- *Thứ ba là:* phần lớn các chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chưa thực sự chú ý đến việc bảo vệ quyền lợi của mình, chưa có ý thức cao trong việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá, sản phẩm của tư duy, trong khi người tiêu dùng trình độ và hiểu biết về tác hại của xâm phạm sở hữu trí tuệ đối với sức khỏe, lợi ích của cộng đồng còn rất hạn chế;

- *Thứ tư là:* hệ thống văn bản pháp luật về nhóm tội sở hữu trí tuệ ghi nhận các hình phạt ở mức độ còn quá nhẹ, chưa phù hợp với thực tế, chưa đủ sức răn đe đối tượng phạm tội, coi trọng hình thức xử lý bằng hành chính. Mặt khác, sự kết hợp giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong công tác đấu tranh chống sản xuất, buôn bán hàng giả còn thiếu đồng bộ và chồng chéo; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của phần lớn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật còn hạn chế, đặc biệt trong các lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, công nghệ máy tính. Chế tài về hình sự chỉ được áp dụng với cá nhân, trong khi nhóm tội về sở hữu trí tuệ chủ yếu là do tổ chức vì vậy không thể truy cứu trách nhiệm hình sự với pháp nhân được.

3. Một số kiến nghị nhằm sửa đổi, hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Từ thực tiễn kém hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chúng ta thấy cần phải nhìn nhận lại các quy định về các tội phạm này của Bộ luật Hình sự. Như đã nói BLHS Việt Nam đã hình sự hoá đầy đủ các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và quy định các chế tài tương đối nghiêm khắc, đáp ứng về cơ bản yêu cầu của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết. Tuy nhiên, các quy định về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn các yếu điểm dẫn đến thực thi kém hiệu quả và không đáp ứng được yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ một cách đầy đủ. Đây là một trong những bất lợi của Việt Nam trong tiến trình hội nhập thương mại quốc tế của mình. Vì thế, trong lần sửa đổi Bộ luật Hình sự sắp tới, chúng ta cần nhìn nhận rõ các yếu điểm này và có hướng hoàn thiện các quy định về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong thực tế và các yêu cầu của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết, cụ thể là:

Thứ nhất: cần có sự phân biệt rõ ràng giữa tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156 BLHS) và Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171). Hiện nay, các nhà thực thi pháp luật chưa phân định rõ ràng hai loại tội phạm này, vì vậy đối với hành vi giả mạo về nhãn mác, không biết áp dụng điều luật nào để xử lý cho chính xác. Điều này là do điều luật quy định còn chung chung, và lại chưa có văn bản hướng dẫn giải thích cụ thể nên cách hiểu chưa được thống nhất. Chính vì vậy, trong thực tiễn, tất cả các loại hành vi tương tự đều được truy tố theo tội sản xuất, buôn bán hàng giả, ít khi được truy tố theo Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Hiện nay, hai điều luật trên có những nội dung chồng chéo. Cụ thể như sau:

Hàng giả theo các văn bản hướng dẫn hiện nay có thể chia thành 3 loại:

- *Hàng giả về nội dung:* nghĩa là giả về chất lượng, công dụng của loại hàng hoá mà nó mang tên. Tuy nhiên, hình thức, kiểu dáng, nhãn mác là thật, nhưng chất lượng, công dụng không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên của nó;

- *Hàng giả về hình thức:* nghĩa là giả về kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá... nhưng chất lượng, công dụng được đảm bảo như hàng thật;

- *Hàng giả cả về hình thức và nội dung:* nghĩa là có cả hai yếu tố trên.

Quan điểm thống nhất chung cho rằng, hàng vi sản xuất, buôn bán hàng chỉ giả về hình thức chính là hành vi sử dụng bất hợp pháp kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá quy định tại Điều 171 BLHS, và nên định tội theo Điều luật này về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp mới chính xác. Vì vậy, trước mắt, nên có văn bản hướng dẫn cụ thể về phân biệt hai loại tội danh trên để người thực thi pháp luật có thể xử lý được các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp một cách rõ ràng và thống nhất. Về lâu dài, khi sửa đổi BLHS cũng nên giải thích rõ trong nội dung của các điều luật để tránh chồng chéo khi áp dụng. Tốt nhất là nên miêu tả rõ nội dung, dấu hiệu hàng giả ngay trong cấu thành của tội sản xuất, buôn bán hàng giả.

Thứ hai: như trên đã phân tích, chúng ta cần xây dựng các tội danh về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ sao cho phù hợp với các yêu cầu của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã, đang hoặc sẽ tham gia ký kết. Ví dụ như: cần cân nhắc lại các yếu tố cần thiết để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo yêu cầu tại Điều 14 Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, cũng như Điều 61 Hiệp định TRIPS. Nghĩa là, xâm phạm quyền này nếu cố ý và nhằm mục đích thương mại hoặc với quy mô thương mại là có thể bị truy tố rồi, chứ không cần phải gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý hành chính hay đã bị kết án rồi mới truy cứu trách nhiệm hình sự như BLHS Việt Nam hiện hành đang quy định.

Thứ ba: hầu hết các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của BLHS không quy định rõ định lượng tối thiểu để xử lý hình sự, mà chỉ quy định chung chung là: các hành vi vi phạm chỉ bị xử lý về hình sự nếu: gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý về hành chính hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể về thế nào là hậu quả nghiêm trọng, nên việc xử lý còn gặp nhiều khó khăn. Được biết hiện nay Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, soạn thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, việc ban hành Thông tư chỉ là một giải pháp tình thế, về lâu dài, chúng ta cần phải quy định rõ yếu tố định lượng vào ngay

trong điều luật, để việc áp dụng được thống nhất và rõ ràng.

Thứ tư: theo quy định tại Điều 156 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng giả, thì chỉ những hành vi kinh doanh hàng giả có giá trị tương đương hàng thật từ ba mươi triệu đồng trở lên, hoặc dưới ba mươi triệu đồng nhưng phải gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý hành chính hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án, mới bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, trong thực tiễn ít khi xảy ra những vụ việc sản xuất hoặc buôn bán hàng giả với số lượng lớn như vậy, mà thường là sản xuất, vận chuyển tiêu thụ nhỏ bé, hàng giả thường ở mức dưới ba mươi triệu đồng nên rất khó để có thể xử lý về hình sự các hành vi này. Vì vậy, khi sửa đổi Bộ luật Hình sự cũng phải tính đến thực tiễn này để xây dựng các điều luật cho phù hợp.

(Tiếp theo trang 49 – Xác định thiệt hại trong ...)

dân sự về nhãn hiệu năm 2002 chỉ quy định một cách khá chung chung và rất thận trọng rằng: “trên cơ sở yêu cầu của các bên và xem xét các trường hợp đặc biệt đối với các chi phí hợp pháp theo quy định có liên quan của Văn phòng Chính phủ, các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình ngăn cản hành vi xâm phạm bao gồm những chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình khởi kiện hoặc quá trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành điều tra và thu thập chứng cứ để chứng minh bất cứ hành vi xâm phạm nào có thể được tính gộp vào khoản tiền bồi thường”.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là mọi yêu cầu về phí luật sư trong các vụ kiện đòi bồi thường do quyền sở hữu công nghiệp bị xâm hại đều được chấp nhận mà phụ thuộc phần lớn vào tính hợp lý của các yêu cầu này. Để tránh sự lạm dụng, trong quá trình xem xét yêu cầu bồi thường liên quan

đến phí luật sư, các Thẩm phán có thể đánh giá sự hợp lý căn cứ vào một số yếu tố có liên quan như:

- Mức độ phức tạp của vụ việc;
- Nội dung, tính chất của dịch vụ pháp lý;
- Uy tín, kinh nghiệm và trình độ của Luật sư tham gia vụ kiện;
- Thời gian và công sức của Luật sư sử dụng để thực hiện dịch vụ pháp lý; thời gian trung bình được các Luật sư sử dụng để giải quyết trong các vụ việc tương tự;
- Giá cả của dịch vụ tư vấn theo thị trường.

Thông qua việc đánh giá tổng hợp các yếu tố trên, Thẩm phán có thể xác định được một mức phí hợp lý sao cho vừa đảm bảo được tính cần thiết, tính xác thực mà vẫn phù hợp với thông lệ chung.